

NGÔ VĂN BAN

NHỮNG TRI THỨC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI ĐI BIỂN THỜI XƯA TRONG CÁC BÀI VÈ CÁC LÁI

I. KHÁI NIỆM VỀ CÁC LÁI

1. Định nghĩa:

Các Lái là từ chủ yếu chỉ những người lái tàu thuyền trong những chuyến *buôn biển, buôn sông*, chuyên chở hàng hóa, sản vật và người buôn bán lớn, những phú thương đi dài ngày ở những nơi tỉnh/ thành ven biển này sang tỉnh/ thành ven biển khác. Từ *các lái* được dùng nhiều nhất vào thế kỷ thứ 18, đó là từ có nghĩa là những người lái ghe bầu chuyên chở hàng hóa, hành khách chạy theo tuyến đường ven biển Việt Nam. *Về các lái* hay còn gọi là *vè thủy trình, về hải trình, về nhật trình* là bài về của những các lái đi trên biển, trên sông, ngâm nga trong lúc đi đường.

Trên con đường biển ven miền duyên hải Việt Nam, từ Bắc vào Nam hay ngược lại, những ghe thuyền phải trải qua những vùng biển có nhiều đảo, nhiều hòn, nhiều rạn

ngầm, gặp những luồng nước dễ hay khó đi ... không thể phân biệt được đâu là đâu. Dọc đường biển cũng có những địa danh, những tên đảo, tên vịnh, tên bến, tên bãi, tên rạn, tên mũi, tên vũng, tên núi, tên hòn ... nơi nào an bình, nơi nào cần tránh gió bão, nơi nào có đình chùa nổi tiếng, những phong cảnh đẹp kỳ thú, nơi nào cần ghé vào để nghỉ ngơi, giải trí, bán buôn, lấy củi nước ... và nơi nào thì gió tạt, sóng xô, nơi có những phong cảnh đẹp, cùng với các nhân vật, những sinh hoạt, những đặc sản ... gắn liền với các địa danh ấy. Để giúp người lái thuyền biết rõ mình đã đi đến đâu cho khỏi lạc đường, chỗ nào cần thiết cho sinh hoạt và buôn bán tránh những dò dẫm, suy đoán có thể sai đường ..., tất cả đều có trong nội dung của bài Về các lái. Ngoài ra, trong nội dung bài về ta còn thấy những đoạn ca tụng cảnh đẹp của quê hương, đất nước, những nơi thờ cúng của người đi biển, những tâm trạng buồn nhớ gia đình xa cách lâu ngày, những niềm vui thích thú gặp lại bạn ghe bầu, thưởng thức những đặc sản của địa phương ...

Những người đi biển lâu năm, dày dặn kinh nghiệm, đã trải qua nhiều chặng đường trên biển, đã đặt ra bài Về các lái này để hướng dẫn những các lái đi ghe thuyền. Có những bài về *kể ra* (hay *hát ra*), có những bài về *kể vào* (hay *hát vào*) theo những *nhật trình* đường biển nhất định: Nhật trình từ Kinh đô Huế vào tận trong Nam, tỉnh Hà Tiên xưa, tỉnh Kiên Giang ngày nay (hát vô) và nhật trình từ Kinh đô Huế ra tận phía Bắc đến tỉnh Quảng Yên xưa, tỉnh Quảng Ninh ngày nay (hát ra).

Ngoài những bài về trên đường biển, chúng ta còn thấy những bài về hướng dẫn người lái thuyền trên các dòng sông và cả những bài về hướng dẫn người đi trên đường bộ nữa.

Những bài Về các lái còn hàm chứa phong phú tri thức văn hóa dân gian về nghề biển, kỹ thuật lèo lái ghe thuyền, nhận biết về thời tiết, về những vùng biển nguy hiểm ..., cho những người đi biển ... Những người đi lại trên biển cả bao la, từ Bắc vào Nam hay ngược lại, ai cũng thuộc nằm lòng, và vì vấn đề an toàn nên bắt buộc những người lái ghe bầu phải thuộc những bài Về các lái này. Vì đó là những kinh nghiệm xương máu được đúc kết của những người đi trước “thành thạo” một cung đường, truyền cho đời sau, để họ biết rõ đường đi, tránh những nguy nan, bắt tắc, tạo nhiều thuận lợi cho cuộc hành trình.

II. NHỮNG TRI THỨC CỦA NGƯỜI ĐI BIỂN THỜI XƯA TRONG CÁC BÀI VỀ CÁC LÁI

1. *Những tri thức*

Tri thức là những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật, về hiện tượng tự nhiên và xã hội qua những kinh nghiệm, học tập. Trong những bài Về các lái, ta có thể tìm thấy những tri thức cần thiết về nghề đi biển của những các lái lèo lái ghe bầu nhiều năm đi dọc ven biển nước ta, họ thu thập, trải nghiệm và sáng tác ra bài về để truyền lại cho các thế hệ sau. Những tri thức đó gồm có:

1.1. Tri thức về tên gọi giúp các lái nhận biết về các đơn vị hành chính tỉnh/thành, thôn xã ven biển nước ta mà

các lái cần nắm để biết mình đi từ đâu đến đâu. Ngoài ra, những bài về các lái cũng cung cấp cho các lái biết những tên đảo, tên hòn, tên vịnh, tên núi, tên sông ... và rất nhiều tên khác nằm ven biển nước ta. Các tên gọi này coi như những “mốc” giúp các lái biết mình đã đi đến địa điểm nào trong cuộc hành trình: - Như tên gọi đơn vị **hành chánh** (tỉnh Quảng Yên, Thanh Hóa...), thôn (Lý Hòa ...), xã (La Hà), thị xã (Ba Đồn, Nha Trang), trấn (Vĩnh Thanh), tổng (An Phú), đạo (đạo Ma Ly). - Tên gọi các **cửa biển** (Cửa Thuận An, cửa Việt, Chụt). - Tên gọi các ngọn **núi** (Ái Vân, Đại Lãnh). - Tên gọi các **hòn** (Hòn Cỏ, hòn Hiền). - Tên gọi các **đảo, bán đảo** (Biện Sơn, Sơn Trà, Lý Sơn). - Tên gọi các **mũi** (mũi Kê Gà, Mũi Né.). - Tên gọi các **tấn thủ** (Đồn thủ lập tại cửa biển, để mà tra xét tàu thuyền: Tấn Lý Hòa, tấn Đá Nhảy). - Tên gọi các **vũng** hay **vụng** (vũng Áng, vũng Rô, Vũng Lắm). – Tên gọi các **vịnh** (vịnh Cam Ranh, vịnh Xuân Đài). – Tên gọi các **đầm** (đầm Nha Phu, Thị Nại). - Tên gọi các **cù lao** (Cù lao Chàm). – Tên gọi các **rạn** (Rạn Nôi Rang). – Tên gọi các **bãi** (bãi Võ, bãi Dài). – Tên gọi các **gành** (gành Mét/Độc Ky, gành Áng). – Tên gọi các **lạch** (lạch Quèn, lạch Vạn). Tên gọi các **cồn** (Cồn Chà, cồn Trà Lung). Tên gọi các **sông** (sông Nhật Lệ, sông Hương ...). - Tên gọi các **đèo** (đèo Hải Vân, đèo Ngang,). – Tên gọi các **Khe** (Khe Gà). – Tên gọi **thành trì** (thành Đồng Hới). – Tên gọi **chùa** (chùa Lô Sơn). – Tên gọi **Đền** (đền Cờn, đền Cả). - Tên **Chợ** (chợ Kẻ Thử), v.v...

Có những tên gọi các hòn được lồng ghép trong câu ca dao để người lái ghe bầu dễ thuộc dễ nhớ, như các hòn trong quần thể đảo Cù Lao Chàm ở Quảng Nam: *Ra lao đón lụi thật dài/ Chờ mồ khô lá, xuống tai chực nôm*. Đó là các hòn: Lao, Lụi, Dài, Mồ, Khô, Lá, Tai.

Có những tên gọi các vũng, hòn mang tên các loài thú, như vũng Trâu Năm (Khánh Hòa) hay các hòn, đảo ở vùng biển Nghệ An: *Trâu năm ngoài cửa châu vào/ Chó thì vác mỏ trên cao khéo là/ Cáo thì rón rén bắt gà/ Một đàn thú vật xinh đà quá xinh...* Ở cửa Lạch Trường Thanh Hóa có hòn đảo nhỏ mang tên là **hòn Đầu Bò**, bài Vè đưa địa danh này bằng câu nói vui: “*Vào Trường ta đậu mua Bò ăn chơi*” để người đi biển dễ nhớ địa danh này khi vào cửa Lạch Trường.

1.2. Tri thức về những nơi ghe bầu sắp đến: Giúp các lái nhận biết ghe bầu của mình sắp đến tỉnh/thành nào, đến Hòn nào, đảo, vịnh nào ...căn cứ vào những dấu hiệu, cột mốc gì để nhận biết:

1.2.1. Lấy đèo làm mốc : – *Ngoài cửa Chuông mũi Dao là đó/ Kia đèo Ngang nọ nọ trông lên...*(Ghe bầu đi ngang qua đèo Ngang, biết được ranh giới giữa tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh). - ... *đã gần với Cù Mông là cửa/ Hai mũi đều chòn chớ gie ra/ Trên mũi Móm dưới mũi Rà/ Qua hai mũi ấy vũng La đã gần* (Ghe bầu rời tỉnh Bình Định, ngang qua đèo Cù Mông, thấy 2 mũi đá, là sắp vào địa phận vùng biển Phú Yên). - ... *Mũi Nạy có Đá Bia xinh/ Tạc để lưu truyền nói nghiệp Hùng Vương* (Ghe bầu đi qua dãy núi

trên có hòn đá lớn trông như tấm bia, đó là núi Đại Lãnh (còn gọi là núi Đá Bia), trên có đèo Cả, là ranh giới giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa).

1.2.2. Lấy **hòn núi** đặc biệt nào đó làm mốc, - *Ngó lên núi Ai rất cao/ Ta sẽ lần vào Hồ Chuối, Hang Dơi* (Ghe bầu ngang qua núi Hải Vân sắp vào Quảng Nam – Đà Nẵng). hay lấy núi Bàn Than, có điểm đặc biệt là núi lớn mà tròn, màu đá như than, đứng xa nhìn như hình cái bàn đá nên tục gọi là núi Bàn Than. Ghe bầu thấy núi Bàn Than là sắp đến vùng biển tỉnh Quảng Ngãi: *Vác mặt xem thấy Bàn Than / Ngoài thời lao Ré (đảo Lý Sơn) nằm ngang Sa Kỳ.*

1.2.3. Lấy một **sản vật** nào đó đặc biệt ở địa phương để làm mốc, như rừng dừa Tam Quan, Bình Định: *Vát ra khỏi mũi Sa Hoàng (Sa Huỳnh- Quảng Ngãi)/ Kìa kìa ngó thấy Tam Quan (Bình Định) nhiều dừa.* - *Cây kè, cửa Việt càng cao/ Viễn vông cứ đó ra vào làm tiêu..* (Như thế người trên ghe bầu đi vào vùng biển Quảng Trị thấy cây kè (có bản ghi cây dừa) là biết đến gần cửa Việt, một cửa biển phía nam của tỉnh. Như thế, cây kè là một hình ảnh làm tiêu, làm mốc để đánh dấu vị trí). – Còn ghe bầu vào cảng Hải Phòng: *Phía đông hải cảng chăm nhìn phao tiêu/ Phao không số bắt đầu cửa Lạch/ Một, hai, ba hướng vạch phân luồng/ Xanh sâu, đỏ cạn chỉ đường/ Chạy luồng Nam Triệu thẳng luôn Hải Phòng ...* (Ghe bầu trước khi vào cảng Hải Phòng, phải chăm nhìn phao tiêu. Phao tiêu là vật nổi trên mặt nước làm mục tiêu để hướng dẫn tàu thuyền đi lại đúng hướng và an toàn. Phao tiêu có đánh số, “số không” là bắt

đầu cửa Lạch, “số một, hai, ba” là hướng vạch phân luồng cho ghe thuyền khỏi chen nhau, khỏi lệch hướng. Phao tiêu cũng có sơn màu để chỉ độ sâu, độ cạn: Màu xanh báo cho biết lạch sâu, màu đỏ báo cho biết lạch cạn. Và ghe bầu chạy theo luồng Nam Triệu để thẳng luôn Hải Phòng. Luồng Nam Triệu là luồng nước di chuyển một chiều, luồng hàng hải của Thành phố Hải Phòng).

1.2.4. + Lấy mắt mà trông: - Gió tây ba cánh chan hòa/Ngó ra mù tít la đà hòn Ông. - Ngó lên Hòn Mắt thẳng dăng ...- Ngó vô cửa Khẩu thêm vui... - Ngó lên thấy má Cao Biên/ Kìa kìa lại thấy Ma Liên, Chóp Chài. – Chut Đền đền ngó xuống chính ghê/ Ngó về Hòn TÝ (đảo Bình Hưng, tp Cam Ranh), dựa kê Cam Linh. - Đứng xa ngó dăm trông chừng/Phố Giày, Phan Thít đã gần Trạm Lung. - ... ở ngoài bãi Sách trông lên/ Mà trông Bang Trí buồm tiên qua rồi. - Trông ra hòn Lạn, hòn Nhôi/ Thuyền bè san sát nhiều người mại thương.

+ Vị trí các Hòn: Ngoài Hòn La trong thì Hòn Cỏ. - La ngoài, Cỏ giữa hai bên/ Mũi Ông trong bãi đất liền bò ra ... - Dưới thì vũng Áng, ở trên Dinh Cầu. - Láp, Nôm kê cuối hòn Ngư. - Hung, Chè thời ở bên trên/ Hóa công đâu đã kê liền Lạch Thoi.

1.2.5. Trông vào các ngọn hải đăng: Xa trông đã thấy mũi đèn ở kia...

1.3. Tri thức về những nơi nguy hiểm hay an bình, giúp các lái dè chừng, cẩn thận tránh nguy hiểm, hay vào tránh gió, nghỉ ngơi: - Sóng dâng địa tục càng cao/ Xắc lèo

kéo lái gần vào không nên. - Qua cồn Thống Chế trước sau phải dè (cồn cát dài sát bờ biển Thái Bình). - Hòn Gầm nghe sóng bổ vang/ Đi bảy ngày đàng đến đằm Bà Gia (Khánh Hòa). ... một ngày đến huyện Mộ Hoa/ Mỹ Á cửa nọ thực là hiểm thay (Cửa biển Mỹ Á ở huyện Mộ Đức Quảng Ngãi hẹp và cạn, tàu thuyền không thể vào đỗ được dễ dàng, như câu ca dao: Đời ông cho chí đời cha/ Đến cửa Mỹ Á thì ta chớ vào). - Cửa An Niệu nọ sóng xô/ Ngọn từ Xã Thái ồ ồ chảy tuôn (Quảng Bình). - Mũi Lãi không thấp không cao/ Các lái ra vào tránh lối khơi khơi ... (“Lố” là nơi có đá ngầm, rạn san hô hay bãi cát nhô lên, dễ cho ghe thuyền bị va vào hay mắc cạn ở vùng biển tỉnh Quảng Trị, nên Các lái lỡ vời tằm tối phải coi...). - Hòn Hiên (Quảng Bình) là mẹ là cha/ Ai đi đến đó cũng là bình yên. - Ngoài cù lao, trong đá cao như vách/ Vui lòng người quán khách nghỉ ngơi (Cam Ranh)...

1.4. Tri thức về những nơi hoang vắng thường có nạn Tàu ô cướp biển cũng được nhắc nhở những người đi biển lưu ý, dè chừng: *Dù ai lên xuống ra vô/ Chạy ngoài phải giữ Tàu-ô cướp chừng.* Việc cướp biển không phải là không có. Năm 1836, đời Minh Mạng thứ 17, sử có chép: *“Bình thuyền tuần biển ở Phú Yên bắt được 8 tên giặc biển Chà Và. Việc đến tai vua. Thưởng quan tỉnh kỷ lục 1 thứ, và thưởng chung các biển binh 100 quan tiền. Những tên phạm bị bắt đều đem chém cả”*¹.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, phiên dịch của Tổ phiên dịch Viện Sử học Việt Nam, quyển Bốn, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.982.

1.5. Tri thức về những nơi có phong cảnh kỳ thú giúp các lái thuyền thức, quên đi những mệt nhọc: (*Thối nằm đầu nước cheo leo/ Kìa như nước biếc lại đèo non xanh. - Lạch Yên Hòa (Quảng Bình) nước chảy trong veo/ Nhìn xem phong cảnh cũng chiều/ Trông nước nước biếc, trông đèo đèo cao. - Sa Kỳ cũng vịnh ra vào nghỉ ngơi/ Chón nghỉ ngơi nhiều nơi phong cảnh (Quảng Ngãi). - Trà Khúc Quảng Ngãi núi chi/ Có hòn Thiên Ấn dấu ghi để đời (Quảng Ngãi). - Thiên nhiên khéo tạc vui thay/ Hòn Hòn Mẹ Né đủ đầy cả hai (Phan Thiết). - Ngũ Hành Sơn nay đã dựa kê/ Thấy chùa thờ Phật, Phật về thượng thiên (Đà Nẵng).*

1.6. Tri thức về những nơi ghe bầu có thể vào lấy củi, nước, vui chơi, bán buôn:

+ Vào lấy củi, nước: - *Lấy neo trong Ngọc (Thanh Hóa) cho yên tâm lòng/ Hái củi gánh nước vừa xong/ Chực trời tốt gió ta hòng trẩy vô. - Ghé thuyền gạo củi rồi lui/ Buồm dong ba cạnh thẳng vời chạy vô.*

+ Vui chơi, giải trí, gặp mặt, mua bán: *Nha Trang xuống Chụt (phường Vĩnh Nguyên) bao xa/ Kẻ vô mua đệm, người ra mua chằng/ Anh em mừng rỡ lãng xãng/ Người hỏi thăm vào, kẻ hỏi thăm ra/ Anh em chè rượu hỉ ha. Hay: Kẻ thời ăn uống vui chơi/ Người thời lơ lả chơi bời nguyệt hoa/ Người thời mua sóng thay là/ Mua đệm cùng mầu lại ca mua ghè/ Người thời mua hũ mua ve/ Mua đường mua mật lại ca mua hèo/ Kẻ thời mua mây buộc lèo/ Người mua sóng lá đem theo xô tiền/ Người mua thuốc lá thuốc viên/*

Người mua thuốc khúc để nguyên đem về. Hay: Ninh Bình hạt gạo quá xinh/ Các lái đẹp tình ghé lại bán buôn.

+ Bài Về còn ghi lại những chợ búa ven biển thuyền có thể ghé vào nghỉ ngơi, mua bán (*Chợ Xanh neo lại mà chơi/ Đi chợ Trầu Thất nghỉ ngơi rượu trà/ Chợ Trầu chợ Gạo thêm xinh/ Chợ Che nằm đó đẹp tình ý ai* (chợ ở tỉnh Ninh Bình)).

1.7. Tri thức về những sản vật địa phương: - *Thuyền qua Quảng Ngãi mĩa đường.* - *Vác ra ngoài mũi sa vàng/ Kìa kìa lại thấy Tam Quan nhiều dĩa* (Bình Định). - *Kìa mũi Tài Phú là nơi nhiều ghè* (Bình Định). - *Kẻ vô mua đệm, người ra mua chằng* (Mua đệm tức là lá buôn để làm buồm và song mây làm dây cột buồm (*chằng*), Khánh Hòa nổi tiếng). - *...Phú Hải, Phan Thiết đã gần Trà Lung/ Nơi nước mắt lầy lừng danh tiếng...- Cửa Tam Tân nhìn vô tươi mát/ Rừng dầu chai xanh ngắt một màu.* - *Dầu ai tìm thú vui chơi/Tới hòn Phú Quốc nhắm đờn mà coi/ San hô, hổ phách, đồi môi/ Đá huyền, đôn đột, đủ mùi kiếm ăn/ Sơn lâm, hậu phác, hương trầm/ Linh qui còn có sanh cầm thiếu chi/ Xiết đâu kể hết tinh vi/ Nói sao cho thấu những đồ thổ nghi... - Thái Bình cửa lạch là nơi/ Diêm Điền muối mặn, cá tươi tôm vàng...*

1.8. Tri thức về lịch sử, truyền thuyết: Nhiều địa danh ven biển từ Bắc vào Nam gắn liền với nhiều di tích lịch sử, các truyền thuyết dân gian ... đã được bài Về ghi lại cho người đi biển không những hiểu biết thêm về non sông đất

nước ta mà các di tích đó coi như cái mốc để người đi biển biết ghe mình đi đến vùng biển tỉnh nào. Hay còn báo cho người lái ghe bầu biết nơi nào linh thiêng, người đi biển cần ghé lại dâng lễ vật cúng bái cầu cho an bình trên đường đi và tạo cho người đi biển an lòng tiếp tục cuộc hành trình muôn vàn nguy hiểm trên biển cả đầy hiểm nguy đó: *Kim ngân lễ vật cúng đường/ Lâm râm khẩn nguyện lòng thường chớ quên ... - Vụng Gầm thân dưới còn xa/ Thờ đến thánh Độc trở ra bên ngoài/ Nào ai buôn bán trong ngoài/ Lấy vàng cúng tiến, cầu thời bình yên* (Vụng Gầm ở địa phận huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, gần Sầm Sơn. Ở đây có đền thờ Thánh Độc tức Thánh Độc Cước). - *Đây vào lạch Bạng không sai/ Đền thờ Tứ Vị hôm mai cúng chầu* (Lạch Bạng ở Tĩnh Gia, Thanh Hóa, ở đây có đền thờ Tứ Vị, đó là *Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương*. Ở bán đảo Biện Sơn thuộc Tĩnh Gia, Thanh Hóa có đền Thánh Cả: *Đất Biện Sơn có đền Thánh Cả/ Dâng lễ vào khỏe mạnh bình yên*. Đó là đền thờ Sát Hải Đại Vương Hoàng Tá Thôn, làm quan đời Trần. Đền có tiếng linh thiêng. Còn thuyền đến vùng biển huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh, có hòn Ba Đọ: *Nào hòn Ba Đọ ở đâu/ Kim ngân lễ vật trước sau phải tuyền*. Vì ở hòn này có đền Chế Thắng phu nhân, thờ bà Nguyễn Bích Châu, cung nhân của vua Trần Duệ Tông liêu mình nhảy xuống nước dâng mình cho Thần Biển để đoàn thuyền Nam chinh được thuận buồm xuôi gió... Ghe bầu vào vùng biển Quảng Bình nghe truyền thuyết về tên sông Nhật Lệ, về Hòn Hiền. Ngoài biển, hải phận huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh có các đảo được gọi là Cao Vọng, Bàn

Độ, Sơn Dương với một truyền thuyết rất thú vị. Đảo Song Ngư ở Nghệ An cũng có một truyền thuyết về tên đảo này. Những người trên ghe bầu *ngó lên Hòn Mắt thẳng dăng* ở vùng biển Nghệ An ai cũng nhớ đến truyền thuyết về tên gọi hòn này, mang tính thủy chung của đôi vợ chồng tướng lĩnh của Hai Bà Trưng. Ở Thanh Hóa có cửa Thần Phù: *Lạch Sung thẳng tỏ trông lên Thần Phù ...* Qua đây ai cũng nhớ câu ca: *Lênh đênh qua cửa Thần Phù/ Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm* và truyền thuyết về *Áp Lãng Chân Nhơn* do Hồ Nguyên Trừng kể trong tác phẩm *Nam Ông mộng lục*. Trên hành trình, ghe bầu đến vùng biển tỉnh Bình Định, biết được địa danh Kẻ Thử hay Cách Thử để biết được một truyền thuyết về ngôi chợ người và ma buôn bán với nhau. Ghe bầu đến vùng biển Phú Yên, *ngó lên thấy mỏ Cao Biền* cũng cho ta biết được truyền thuyết về tướng Cao Biền đời Đường sang cai trị nước ta thường trấn yểm các long mạch. Vào đến vùng biển Khánh Hòa, thấy Hòn Đỏ nằm ngoài khơi huyện Ninh Hòa: *Cửa đò Hòn Khói xa xăm/ Kinh ngoài Hòn Đỏ, kinh trong bãi Trây*. Nơi Hòn Đỏ này có tục thờ bà Lỗ Lương của ngư dân làm nghề lưới dăng với những lễ cúng mang tính phồn thực mà hiện nay vẫn còn. Ghe bầu đến vùng biển Ninh Thuận, có địa danh Bãi Lúa mang một truyền thuyết giải thích ruộng lúa gần bờ biển này. Tại vùng biển Bình Thuận có truyền thuyết về Thầy Thím đầy tính chất huyền thoại, linh thiêng: *Lệnh thiêng, Thầy Thím còn kia/ Ai đi qua đó chớ mê làm giàu...* Ghe bầu đến Bà Rịa – Vũng Tàu ngày nay được nghe truyền thuyết về Dinh Cô, về núi Tao Phùng, đến xã đảo Long Sơn

nghe truyền thuyết về ông Đạo Trần cùng tham quan quần thể nhà cổ của bốn đạo, gọi là Nhà Lớn Long Sơn. Ghe bầu vào Nam, không thể không nhớ câu: *Nhà Bè nước chảy chia đôi/Ai về Gia Định Đồng Nai thì về* để tìm hiểu truyền thuyết tên gọi *Nhà Bè* do Ông Thủ Huồng tạo lập cùng truyền thuyết về nhân vật này. Về vùng biển Hà Tiên xưa, tỉnh Kiên Giang ngày nay không những tham quan, thưởng thức những cảnh đẹp, nên thơ trong *Hà Tiên thập cảnh*, những di tích lịch sử ... mà còn nghe kể về Sơn Chim của một thời, truyền thuyết về đảo Rùa, về bà Tống Thị thêu tượng Phật Quan Âm ở chùa Quán Thế Âm ở đảo Đại Kim...

1.9. Tri thức về Hòn Vọng Phu hay còn gọi *Đá Vọng Phu*, *Đá trông chồng* ở ven biển thì có ở cửa biển vùng Thanh Hóa, cửa biển Đề Di (Gi) Bình Định, vùng Ninh Hòa (Khánh Hòa) ... Người đi thuyền ven biển có thể thấy được Hòn Vọng Phu này mà họ gọi là “*Mẹ Bồng Con*”. Như khi thuyền đến vùng biển Bình Định, *anh em trò chuyện vui cười/ Nhìn lên ngọn núi thấy “Người Bồng Con”/ Ngắm trong non nước nước non/ Trăng thu vàng vạc dạ còn như in*. Khi thuyền ngang qua, theo tục, phải làm lễ cầu Bà để thuận buồm xuôi gió: *Bắt gà mà lễ một con/ Lạy bà bà thổi nôm luôn đêm ngày*.

Đánh giá về địa danh trong các bài *Về Các Lái*, Nguyễn Thăng Long trong bài viết *Nhật trình đi biển của cư dân Lí*

Hòa và dấu ấn văn hóa biển của người Việt², đã có nhận định những địa danh, hiệu danh ven biển: “cung cấp một lượng thông tin quý báu, chính xác, có giá trị lịch sử - văn hóa về các tên làng, tên đất, tên biển, về danh lam thắng cảnh v.v... của đất nước dọc miền duyên hải, đồng thời, cho chúng ta những cái nhìn tổng quát về các địa danh, gắn với quá trình hình thành các làng nghề ngư của người Việt ven duyên”.

1.10. Tri thức về các đồn binh, tấp khẩu: - ... Đà Nẵng cửa đặt **Tuần Ty** (có nhiệm vụ kiểm soát hàng hóa vận chuyển bằng đường sông, đường biển để thu thuế). - Lý Hòa, Đá Nhảy kề liền Linh Giang/ Tấp đây có **lũy có đồn..** - Chuyền đi muốn được an lành/ Vũng Tàu đã đến phải trình số ra/ **Trình đồn** rồi lại thẳng qua/ Đồng Nai, Gia Định của ta lại về... - Cần Giờ nay đã đến nơi/ **Trình đồn** rồi lại thẳng ngay Sài Gòn. - Đồn Ông cột tháp thành xây/ **Trình đồn** mức nước rặng ngày mà ra.

1.11. Tri thức về thời gian ghe bầu đi trên biển: Thời gian ghe bầu trong cuộc hành trình được tính bằng đơn vị:

1.11.1. Ngày (hay **nhật trình** (đường đi trong một ngày)), **bán nhật trình** (đường đi trong nửa ngày, 1 buổi)): -...Đại Chiêm cửa ấy phỏng đi **một ngày**. - Thủy hành phỏng độ **nửa ngày**/ Tột Bông Sơn huyện, thực đây Sa Huỳnh. - Vào Nước Ngọt một **nhật trình**/ Tới miền Nước

² Nguyễn Thăng Long, *Nhật trình đi biển của cư dân Lí Hòa và dấu ấn văn hóa biển của người Việt*, tạp chí Văn hóa dân gian, số 6 (108)/2006, tr.69.

Mặn bộ hành một ngày. - Hòn Gâm nghe sóng vỗ vang/ Đi bảy ngày đàng đến đằm Bà Gia. - ... không ghé thì lại chạy ngay/ Đi hết nửa ngày mũi Cỏ, Cây Sung. - Sông ngang thủy thế mênh mang/ Qua miền Nha Lỗ phỏng trong nửa ngày/ Đến Nha Trang một ngày chầy/ Lại thêm nửa ngày đến Tiểu Nha Trang. - ... Man Rang một nhật trình/ Đến cửa Man Rí thủy hành một ngày. - ... đến Ma Ly phỏng bán nhật trình

1.11.2. Canh (hay trông canh): “Khoảng thời gian bằng một phần năm của đêm, thay đổi theo mùa, được coi là đơn vị thời gian ban đêm ở Việt Nam ngày xưa”³. - Thủy hành trót một canh chầy. - Một canh Tiểu Hải bộ hành/ Đại Nham ba trông (ba canh), thủy trình bao xa? . - ... cửa Kim Bồng hải khẩu/ Phỏng vượt qua Thời Phú một canh. - Thủy hành phỏng độ ba canh/ Xích Lam cửa ấy nước xanh như chàm ...

1.11.3. Dặm đường: Thanh thoi ba cánh thanh thoi/ Buông xuống Quảng Ngãi một thoi dặm đường/ Chạy qua bãi ấy dặm trường/ Kìa hòn Mỹ Á, Sa Hoàng đã trong.

1.11.4. Một thoi có nghĩa là ghe bầu đi trên biển một hồi liên tục trong một khoảng thời gian tương đối dài: Ngọn từ Xã Thái ồ ồ chày tuôn/ Một thoi đến Nhật Lệ môn ...

1.11.5. Một đôi xa xa (chỉ thời gian hơi lâu, ghe bầu phải dong buồm chạy một khoảng cách hơi xa): Chạy lên một đôi xa xa/ Khởi mũi Đá Nhảy, Lý Hòa quản bao/

³ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại tự điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, tái bản lần thứ 9, 2010.

Gió Đông ba cánh chan hòa/ Chạy xuống một đôi đò là Cửa Gianh ...

1.11.6. Một đoạn: *Gió tây ba cách chan hòa/ Chạy ra một đoạn đã là hòn Ông*

1.11.7. Nhắm chùng (hướng tới một đoạn đường được xác định tương đối, đại khái: *Nhắm chùng vũng Lắm buông qua/ Xuân Đài, mũi Yển chạy qua hố Trâu ... ở Phú Yên.*

1.11.8. Chạy hết ..., lại sang ..., tới ... , hay Chạy khỏi ...: *... chạy hết Cát Thảm lại sang Đồi Mồi... - Chạy hết bãi dài tới cửa Trà Nông...- ... chạy khỏi cửa Bé lánh thân Trâu Nầm...*

1.11.9. Chạy thẳng ngay đến ...: *Lòng Sông, mũi Chợ thẳng ngay La Ngàn ...*

1.12. Tri thức về luồng gió:

Gió có ảnh hưởng nhiều đến việc đi ghe thuyền. Ghe bầu đi trên biển chạy bằng buồm, tức là nhờ buồm cản sức gió để thuyền lướt trên sóng nước. Mỗi ghe bầu có 3 buồm.

Về **gió** có các loại gió: - **Gió bắc** là gió mùa đông bắc, gió lạnh từ hướng đông bắc thổi lại ở miền bắc nước ta vào mùa đông. - **Gió nồm** (còn gọi là **gió nam, gió tống**), gió mát và ẩm ướt thổi từ phía đông nam tới ở nước ta, thường vào mùa hạ. Gió thổi tới thuyền được xác định theo hướng mà từ đó nó thổi tới, như nói gió đông bắc tức là gió thổi từ hướng đông bắc tới.

Khi ghe bầu vào Vũng Rô (Phú Yên), dù gió nồm gió bắc cũng vào trú được: *Vũng Ô Rô bốn mùa cũng khuất/*

Dựa mặt nồm mặt bắc cũng hay... vì Vũng Rô là nơi tránh gió rất tốt: ...bị bùng, chỉ một đường vô/ Dầu nồm, dầu bắc không xô phía nào. Còn đến Phan Thiết, Phú Hải, Phan Thiết lạ đời/ Nồm nam dọa dẫm về nơi Bãi Thùng. Có lúc phải đợi gió bắc: Vung Voi chón ấy đã yên/ Chờ cho có bắc thẳng miền Đồng Tranh.

Khi gió thổi mạnh thì ghe bầu “giương buồm ba cánh” mà cho ghe chạy: *Gió ù ù buồm giông ba cánh/ Qua Hòn Bà thùng thỉnh đã an ...*Khi ghe bầu sắp đến La Gàn (Bình Thuận) thì có lời khuyên: *Êm trời ta sẽ lần vào/ La Gàn có mũi thấp cao kia là. Hay là: Chờ cho thấy gió, trăng lên/ Lên buồm mà chạy như tên thanh nhàn.*

1.13. Tri thức về kỹ thuật lèo lái ghe bầu :

Ghe bầu di chuyển bằng buồm xuôi gió, chỉ cần có gió động buồm là đi được, dù nhanh hay chậm. Những lúc thiếu gió hay gió hơi ngược họ có kỹ thuật “**chạy vát**” hay chạy “**ganh**” rất độc đáo, theo hình chữ “chi”. Tức là ghe bầu chạy ngược gió bằng cách kéo xiên xiên cánh buồm, nếu ghe nghiêng thì đặt một đòn dài qua thân ghe, dùng vật nặng đặt một bên làm đối trọng để giữ trọng tâm thuyền, gọi là chạy “ganh”. Tùy theo độ nghiêng của ghe mà người trong ghe chạy ra ngồi trên đòn ganh, nếu ghe nghiêng nhiều hơn thì cùng lúc hai, ba, bốn người ngồi. Đó là kỹ thuật lèo lái ghe bầu khi ghe chạy ngược gió. Nếu gió xuôi, ghe đi mất 10 phút, còn gió ngược thì đi mất 15-20 phút cho cùng một quãng đường.

Trong Về các lái có nói về “chạy vát” này: - *Có đêm phảng phát gió tây/ Vát chày mà chạy lái ngay vững vàng.* - *Vát ra một đôi khơi cao/ Ta sẽ lần vào thì tới cửa Ông.* - *Vát ra khỏi mũi Sa Hoàng/ Kìa kìa ngó thấy Tam Quan nhiều dĩa.* - *Vát ra thấy lộ Khô Khao ...* - *Vững Tàu kia đã đến rồi/ Vát một hồi tỏ rạn Thùy Vân.*

Trong bài Về ta có thấy từ “lèo”. Lèo, theo Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Paulus Của, là “dây giống lá buồm, kéo lá buồm. Dây lèo. **Lèo thượng**: Dây giống trên ngọn buồm. **Lèo hạ**⁴: Dây giống dưới trôn buồm. **Lèo trôn**: Dây giống trôn buồm, (lèo thượng). **Lèo ngọn**: Dây giống ngọn buồm, (lèo hạ). **Giữ lèo lái**: Giữ lấy dây lèo, bánh lái. **Nới lèo**: Nới dây lèo ra cho dài hơn. **Rán lèo**: Rán dây lèo cho thẳng. **Thả lèo**: Thả dây lèo, buông dây lèo, có ý làm cho buồm hết bọc gió. **Xả lèo**: giống ý trên”⁵.

Như thế “dây lèo” “là dây điều chỉnh góc nghiêng của buồm so với trục dọc thuyền tức là điều chỉnh góc chém của gió vào buồm. Dây được buộc với thanh lèo. “Dây lèo thượng” là dây nối với đầu trên của “dây nẹp cạnh buồm” (Dây được khâu nẹp vào mép cạnh để gia cường cho buồm), rồi thít lại tại xà treo buồm, dùng để túm lại hay thả lỏng phần phía trên của buồm, không để phần trên của buồm bị dúm dớ”⁶.

⁴ “Lèo hạ” còn gọi là “dây cái”. Còn “dây con” là dây trên xà treo buồm, dùng để xiết hay tháo buồm quanh xà (NVB chú).

⁵ Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đại Nam quốc âm tự vị, Trung tâm Dịch Hán nôm Huê Quang + Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr.559-560.

⁶ J.B.Piétrì, Voiliers d’Indochine (Thuyền buồm Đông Dương), bản dịch của Đỗ Thái Bình, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2015, tr.199.

Người lái ghe thuyền, giữ dây lèo có trách nhiệm chỉnh lại buồm cho thuyền đi đúng hướng. Có lúc phải **nói lèo**, - ...**nói lèo** ráng lái mau mau/ Châu Me, Lò Rượu sóng xao hòn Nhàn/ Ngó vô thấy tháp xinh xinh/ **Nói lèo**, ráng lái Bãi Dinh đậm dài. - Khe Gà nay đã đến nơi/ Anh em làm lễ một hồi ta qua/ **Nói lèo** xây lái trở ra .../ Hòn Lang, cửa Cạn ấy là Tam Tân... Có lúc phải **rán lèo** (trong bài Vè gọi là **gò lèo**) là kéo dây lèo cho ba cánh buồm căng ra để lái thuyền đi về một hướng nhất định : - **Tắt mắt trời các lái ra đi/ Nhắm chừng bãi lười một khi/ Tây phương chỉ mũi lái thì gác đông/ Gò lèo** ba cánh thẳng dong/ Cà Ná đã tới Khu Ông đã gần. Có khi phải **xả lèo** hay **thả lèo**: - **Hải Môn Nhật Lệ** nghênh ngang ra vào/ **Sóng dâng** địa tục càng cao⁷/ **Xả lèo** kéo lái gần vào không nên. Như trên đã trình bày, khi ghe thuyền chạy ngược gió thì có kỹ thuật “chạy vát”, lúc đó, người giữ lèo “*phải chuyển lèo liên tục, lúc lèo phải khi lèo trái để tiến tới đích*”⁸. Việc “chuyển lèo” là việc điều khiển buồm để thay đổi hướng tác dụng của gió vào buồm, ví dụ như từ mạn phải chuyển sang mạn trái theo các bước: 1. Đang đi lèo phải, 2. quặt ngược gió để chuẩn bị chuyển lèo, 3. ngược gió, 4. chuyển sang lèo trái, 5. chạy lèo trái⁹.

Trong bài Vè có sử dụng từ “**lăn buồm**”. Cũng theo tự

⁷ Sóng biển dâng cao đập vào đất liền liên tục (NVB chú).

⁸ J.B.Piétri, *Voiliers d'Indochine (Thuyền buồm Đông Dương)*, sđd, tr.197.

⁹ Theo *Voiliers d'Indochine (Thuyền buồm Đông Dương)*, sđd, tr.198.

vị của Hùinh Tịnh Paulus Cửa, “lăn buồm” là “*cuốn buồm lại*”, vì ghe thuyền được dòng nước đẩy đi: - **Lăn buồm** mà dựa¹⁰ cho yên/ Ba Non thẳng lái chỉ ngay Cần Giờ. - **Lăn buồm** dựa Chọt đó là Nha Trang.

Từ “**bát**” cũng được thấy dùng trong bài Vè. “Bát” là lái thuyền sang phải, trái với “cạy” là lái thuyền sang trái. Trong tự vị của Hùinh Tịnh Paulus Cửa có từ “bát cạy”: *Thường nói về sự chèo ghe, khiến đi bên tay mặt, hay là bên cọc chèo mũi, thì kêu là bát, khiến đi bên phía tay trái hay là bên cọc chèo bánh, thì kêu là cạy*: **Bát** vào cửa Đại là nơi/ Còn cát giữa cửa vịnh vời mới thông ... (**Cửa Đại** là cửa biển do nhánh thứ hai của sông Tiền - Tiền Giang ở Nam Bộ - đổ ra biển). Ngoài ra, trong bài Vè ta còn thấy có từ “**bát cao**”, có nghĩa là di thuyền rất nhiều sang phía bên phải: *Mặc ai chèo nhặt **bát cao**/ Giang hồ thương mãi hỏi nào **Vũng Luông**?* (Vĩnh Luông là tỉnh Vĩnh Long).

Có khi bờ biển đổi hướng nên người lái thuyền cho mũi ghe hướng về phía tây, còn lái quay ra phía đông, gọi là “**gác đông**”: *Đè mặt trời gác lái chạy ra/ Liệu chừng chón ấy đã qua/ Tây phương chỉ mũi lái đà **gác đông**/ Thuận buồm ba cánh thẳng giông.*

2. Giá trị về những tri thức

Những tri thức đi biển trình bày trên qua các bài Vè các lái, tuy chưa đầy đủ nhưng cũng cho ta thấy được

¹⁰ Dựa: Định hướng (NVB chú).

những kinh nghiệm đi biển của người xưa lưu truyền cho các thế hệ sau có một giá trị nhất định. Nhờ những tri thức đó mà những các lái thế hệ sau lèo lái được ghe thuyền hành trình ven biển giữ được sự an toàn, nhận thức được những gì cần biết. Đó là những hướng dẫn quý báu, những “cẩm nang” cần thiết của người đi biển trong thời đại chưa phát triển nhiều về khoa học hàng hải. Thế hệ của những người đi biển lâu năm, họ đã sáng tác bài *Vè các lái*, với mục đích *qua rồi chép để hậu lai*, luôn nhắc nhở thế hệ đi biển tiếp sau *phải biết đêm ngày mà đi* và mong rằng nên thuộc bài *Vè*, *trước là xem gió xem trời/ Sau thì cho biết những nơi hiểm nghèo ...*

TÀI LIỆU THAM KHẢO TRÍCH DẪN

- Hùinh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, Tome I và Tome II, Trung tâm Dịch thuật Hán Môm Huê Quang + Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh xb, 2018.
- J.B.Piétri, *Voiliers d'Indochine (Thuyền buồm Đông Dương)*, bản dịch của Đỗ Thái Bình, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2015.
- Ngô Văn Ban, *Vè các lái, tri thức dân gian đi biển của người Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2016.
- Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại tự điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, tái bản lần thứ 9, 2010.
- Nguyễn Thăng Long, *Nhật trình đi biển của cư dân Lí Hòa và dấu ấn văn hóa biển của người Việt*, tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 6 (108)/2006.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, phiên dịch của Tổ phiên dịch Viện Sử học Việt Nam, quyển Bốn, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
